TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN** Số: 44/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *P, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm V, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu ly hôn: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn Kh thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn Kh thỏa thuận: Chị Dương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 13/01/2013 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn Kh thỏa thuận: Anh Kh trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn Hà My, sinh ngày 13/01/2013 cho chị D mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/5/2022.

Về thăm nom con chung: Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành, anh Kh không tự nguyện thi hành được khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng cũng phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị D tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002747 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chị Dương Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy